

QUY ĐỊNH VỀ ÁN TREO THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

PHAN THỊ PHƯƠNG HIỀN

Khoa Luật Hình sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Criminal Law, Ho Chi Minh City University of Law
Email: ptphien@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Nguyên tắc nhân đạo là một trong những nguyên tắc cơ bản trong Luật hình sự Việt Nam, được thể hiện thông qua các quy định của pháp luật hình sự trong đó có quy định về án treo. Tìm hiểu quy định và áp dụng quy định về án treo trong pháp luật hình sự hiện hành, tác giả nhận thấy vẫn còn một số hạn chế nhất định. Trên cơ sở sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học, phương pháp so sánh và nghiên cứu tình huống, tác giả khái quát quy định về án treo, phân tích một số hạn chế trong quy định, áp dụng và đề xuất một số kiến nghị.

Từ khóa: án treo, pháp luật hình sự, điều kiện áp dụng án treo, hậu quả của vi phạm điều kiện án treo

Abstract

Principle of humanity is one of the basic principles in criminal law of Vietnam, expressed through provisions of criminal law, including regulations for suspended sentence. Through researching and applying regulations for suspended sentence in current criminal law, the author finds that there are still some certain limitations. Based on the use of legal theoretical research, comparative and case studies methods, the author summarizes the provisions of suspended sentence and analyzes some limitations in the provisions and application of the law. From there, the author proposes some recommendations to improve the regulations for suspended sentence.

Keywords: suspended sentences, criminal laws, conditions for imposing suspended sentences, consequence of violating the conditions of suspended sentences

Ngày nhận bài: 17/03/2024

Ngày duyệt đăng: 12/06/2024

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (viết tắt là BLHS năm 2015) quy định về án treo tại Điều 65, theo đó: “Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện được Tòa án áp dụng đối với người phạm tội bị phạt tù không quá 3 năm, căn cứ vào nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần bắt họ chấp hành hình phạt tù”.¹ Xét về bản chất, án treo là một biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có thời hạn, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước và được tòa án áp dụng trong quá trình xét xử vụ án khi người bị kết án đáp ứng điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015.² Về hậu quả pháp lý, người bị kết án được hưởng án treo sẽ được miễn chấp hành hình phạt tù mà Tòa án đã tuyên nếu không vi phạm điều kiện thử thách của án treo. Tuy nhiên người bị kết án vẫn có thể phải chịu các hình phạt bổ sung (nếu bị áp dụng) cũng như các quyết định khác có trong bản

1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo (Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP).

2 Các điều kiện quy định tại Điều 65 BLHS năm 2015 được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của NQ 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo (Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP).

án và họ vẫn thuộc trường hợp có án tích nếu không thuộc các trường hợp không có án tích được quy định tại khoản 2 Điều 69 và khoản 1 Điều 107 BLHS năm 2015. Tìm hiểu về điều kiện để người phạm tội được áp dụng án treo cũng như hậu quả của việc vi phạm các điều kiện của án treo, tác giả nhận thấy vẫn còn những hạn chế nhất định trong quy định của pháp luật hình sự dẫn đến việc áp dụng quy định này trên thực tế chưa được thống nhất.

1. Quy định về án treo theo pháp luật hình sự Việt Nam

1.1. Điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo

Theo quy định tại khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015, người phạm tội được hưởng án treo khi thỏa mãn các điều kiện:

Thứ nhất, mức hình phạt tù tòa tuyên không quá 3 năm. Căn cứ đầu tiên để một người phạm tội được hưởng án treo là dựa vào mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội trên thực tế chứ không dựa vào mức hình phạt tù được quy định trong luật hay nói cách khác là không dựa vào loại tội phạm được quy định tại Điều 9 BLHS năm 2015. Đây là điều kiện cần đầu tiên để người bị kết án có thể được hưởng án treo.

Thứ hai, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội. Theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP thì “căn cứ vào nhân thân của người phạm tội “ được hiểu là “có nhân thân tốt”. Có quan điểm cho rằng “mặc dù BLHS không quy định rõ nhân thân như thế nào thì được hưởng án treo. Tuy nhiên “để đáp ứng yêu cầu “... xét không cần phải chấp hành hình phạt tù...” đòi hỏi người phạm tội phải có nhân thân tốt như đã được hướng dẫn”.³ Nhưng cũng có quan điểm khác: việc hiểu “căn cứ nhân thân... bằng nhân thân tốt là không đúng tinh thần của BLHS”.⁴ Hiện nay điều kiện căn cứ vào nhân thân của người phạm tội đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP như sau: “Người bị xử phạt tù có nhân thân⁵ là ngoài lần phạm tội này, người phạm tội chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc”.⁶ Theo quan điểm của tác giả, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP đã tránh dùng từ “nhân thân tốt” khi hướng dẫn về căn cứ nhân thân của người phạm tội để được hưởng án treo, tuy nhiên nội dung khi hướng dẫn vẫn phản ánh nhân thân phải là nhân thân tốt.

3 Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (phần chung)*, Nxb. Tư Pháp, 2017, tr. 314.

4 “Điều luật không hề đòi hỏi người phạm tội phải có nhân thân tốt như nhiều người vẫn quan niệm trong khoa học luật hình sự và thực tiễn gần đây. Điều luật chỉ quy định các đặc điểm nhân thân là thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù...”. Trần Văn Độ, Trần Ngọc Anh, “Một số vấn đề về án treo và áp dụng án treo theo luật hình sự Việt Nam”, <https://tkshcm.edu.vn/mot-so-van-de-ve-an-treo-va-ap-dung-an-treo-theo-luat-hinh-su-viet-nam/>, truy cập ngày 26/02/2024.

5 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP khi hướng dẫn điều kiện “căn cứ vào nhân thân” lại giải thích “người bị xử phạt tù có nhân thân là...” là không hợp lý vì người phạm tội nào cũng có nhân thân. Theo quan điểm của tác giả, nên thay “người bị xử phạt tù có nhân thân..” thành “căn cứ vào nhân thân...”

6 Điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP.

Thứ ba, điều kiện “căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ” được hiểu là: có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 và không có tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Trường hợp có tình tiết tăng nặng TNHS thì số tình tiết giảm nhẹ TNHS phải nhiều hơn số tình tiết tăng nặng TNHS từ 02 tình tiết trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.⁷

Thứ tư, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù “nếu người phạm tội có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”.⁸ Với nội dung như vậy, đây được coi là điều kiện quyết định cho việc áp dụng án treo, tuy nhiên đây lại là quy định mang tính tùy nghi duy nhất để xem xét một người có được áp dụng án treo hay không.

Ngoài ra, khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP quy định điều kiện về hình thức để được một người được hưởng án treo là phải có nơi cư trú rõ ràng hoặc nơi làm việc ổn định để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Đây là một điều kiện về hình thức, tuy nhiên thực tiễn xét xử cho thấy trường hợp người phạm tội khi bị kết án đã đáp ứng đủ các điều kiện tại khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015 vẫn không được áp dụng án treo chỉ vì không có nơi cư trú rõ ràng hoặc nơi làm việc ổn định.⁹ Bên cạnh đó, mặc dù trong BLHS năm 2015 hiện hành không giới hạn các trường hợp không cho hưởng án treo mà chỉ quy định các điều kiện để được hưởng án treo, hướng dẫn tại Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, lại có quy định các trường hợp không được hưởng án treo.¹⁰

1.2. Điều kiện của án treo và hậu quả của việc vi phạm điều kiện của án treo

Theo khoản 5 Điều 65 BLHS năm 2015, điều kiện của án treo là trong thời gian thử thách người bị kết án không được phạm tội mới hoặc không được cố ý vi phạm nghĩa vụ được quy định trong Luật Thi hành án hình sự từ hai lần trở lên.¹¹ Thời gian thử thách được quy định gấp đôi hình phạt tù, nhưng không được thấp hơn 1 năm và không được vượt quá 5 năm.¹² Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách của án treo bao gồm nhiều trường hợp khác nhau được hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP và khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP nhưng về cơ bản

7 Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.

8 Khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.

9 Bản án số 224/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của TAND thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

10 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP.

11 Điều 87 Luật Thi hành án hình sự năm 2019; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP quy định về điều kiện “cố ý vi phạm nghĩa vụ Luật thi hành án hình sự”.

12 Khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015 và Điều 4 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.

là được tính từ ngày tuyên án trừ trường hợp quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 5 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.¹³

Chính sách nhân đạo trong luật hình sự còn được thể hiện thông qua quy định rút ngắn thời gian thử thách của án treo. Khoản 4 Điều 65 BLHS năm 2015 quy định: “Người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.”¹⁴

Nếu người bị kết án thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này. Nếu họ đã bị tạm giam, tạm giữ thì thời gian bị tạm giam, tạm giữ được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù. Trường hợp người đang được hưởng án treo mà lại phát hiện trước khi được hưởng án treo họ đã thực hiện một tội phạm khác thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm đó và không tổng hợp hình phạt với bản án cho hưởng án treo. Trong trường hợp này, người phạm tội phải đồng thời chấp hành 02 bản án và việc thi hành án do các cơ quan được giao trách nhiệm thi hành án hình sự phối hợp thực hiện theo quy định của luật thi hành án hình sự.¹⁵ Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.¹⁶

2. Một số hạn chế trong quy định, áp dụng pháp luật hình sự về án treo và kiến nghị

2.1. Nhận thức về quy định án treo cũng như điều kiện để được hưởng án treo chưa có sự thống nhất

Hiện nay, việc nhận thức án treo là quy định bắt buộc hay tùy nghi vẫn chưa được thể hiện rõ trong BLHS năm 2015. Điều này xuất phát từ chính một điều kiện có tính chất tùy nghi khi xem xét cho hưởng án treo là “xét thấy không cần bắt chấp hành hình phạt tù”. Mặc dù đã có hướng dẫn về điều kiện này, tuy nhiên hướng dẫn cũng mang tính chất định tính dẫn đến việc áp dụng án treo có quan điểm khác nhau trên thực tế, cụ thể:

Một là, người phạm tội đã đủ điều kiện để được hưởng án treo nhưng Tòa án lại không cho hưởng án treo. Tiêu biểu, trong một vụ án, bị cáo bị tuyên 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Về nhân thân, bị cáo không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng có các tình tiết giảm nhẹ: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, và là

13 Điều 5 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP và khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP.

14 Điều 8 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP và Điều 89 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

15 Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.

16 Điều 10 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP.

người dân tộc thiểu số theo điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Theo bản án này người phạm tội không được hưởng án treo.¹⁷ Theo đánh giá của tác giả, đây là trường hợp người bị kết án đã đủ điều kiện để được hưởng án treo, cụ thể mức hình phạt tù tòa án tuyên không quá ba năm, người phạm tội có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, như vậy phần ảnh hưởng khả năng tự cải tạo của người phạm tội. Việc cho người phạm tội được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nhưng hội đồng xét xử lại không áp dụng quy định về án treo là không hợp lý, gây bất lợi cho người phạm tội.

Hai là, tồn tại các quan điểm khác nhau giữa các cơ quan xét xử về áp dụng quy định án treo.

Tình huống thứ nhất: Bị cáo phạm tội “Vô ý làm chết người” (khoản 1 Điều 128 BLHS năm 2015), đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị hại có đơn xin miễn truy cứu TNHS cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 và theo bản án sơ thẩm, bị cáo bị xử phạt 01 năm tù nhưng không được hưởng án treo. Tuy nhiên, khi xét xử phúc thẩm, Tòa án nhận định: “... Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, người đại diện của bị hại xin bãi nại và xin miễn truy cứu TNHS đối với bị cáo, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nghề nghiệp ổn định nên có đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022), do đó chấp nhận kháng cáo của bị cáo theo hướng giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.”¹⁸ Tác giả đồng ý với quan điểm xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm vì người bị kết án hoàn toàn đủ điều kiện để được hưởng án treo, vì vậy phải áp dụng quy định này cho người phạm tội.

Tình huống thứ 2: Bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản (khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015) và bị tuyên phạt 9 tháng tù. Bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có làm đơn xin miễn TNHS được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và nhận định: “Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Từ

17 Bản án số 02/2024/HS-ST ngày 16/01/2024 của TAND huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

18 Bản án số 94/2023/HS-PT ngày 31/7/2023 của TAND tỉnh Long An.

những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.”¹⁹ Có thể nhận thấy tình huống thứ hai này có nhiều điểm tương đồng với tình huống thứ nhất: người phạm tội đều thỏa mãn các điều kiện cho hưởng án treo theo khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015, hai tình huống người phạm tội đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, nhân thân người phạm tội không có tiền án, tiền sự, mức hình phạt Tòa án tuyên không quá 03 năm. Tuy nhiên, ở tình huống thứ hai, cả tòa sơ thẩm và phúc thẩm đều không cho người phạm tội được hưởng án treo. Theo quan điểm của tác giả, quyết định này là không hợp lý.

Có thể thấy quan điểm áp dụng khác nhau trong hai tình huống trên xuất phát từ chính điều kiện “xét không cần bắt chấp hành hình phạt tù”.²⁰ Câu hỏi đặt ra là để đánh giá điều kiện này cần dựa vào các căn cứ nào, có phải là dựa vào mức hình phạt tòa tuyên, nhân thân người phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ TNHS? Có quan điểm cho rằng điều kiện này phản ánh kết quả đánh giá ba yếu tố: tính chất tội phạm, tình tiết giảm nhẹ, và nhân thân đảm bảo khả năng cải tạo.²¹ Tác giả đồng ý với quan điểm này, với lưu ý rằng đây là những điều kiện định tính nhưng lại có tính chất quyết định cho một người được hưởng án treo. Điều này dẫn đến thực tiễn áp dụng quy định về án treo mang tính chủ quan.

Ngoài ra, có quan điểm: “Khi tìm hiểu về án treo, cần phải nhận thức đúng đắn rằng khi người phạm tội đáp ứng đầy đủ 3 điều kiện tại khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015 thì Tòa án cần phải cho người phạm tội được áp dụng án treo. Án treo là quy định bắt buộc “thì Tòa án cho hưởng án treo” chứ không phải là quy định tùy nghi “có thể cho hưởng án treo”.²² Tác giả cũng hoàn toàn đồng ý với quan điểm này và để có thể áp dụng án treo với tinh thần là quy định bắt buộc, cần thiết quy định lại điều kiện cho hưởng án treo, hướng dẫn các điều kiện này một cách rõ ràng. Vì thế chỉ cần người phạm tội đáp ứng điều kiện về hình phạt tù không quá 03 năm, căn cứ nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng như có nơi cư trú rõ ràng hoặc nơi làm việc ổn định thì phải cho người phạm tội được hưởng án treo.

Ba là, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP hướng dẫn điều kiện áp dụng án treo về “căn cứ nhân thân” tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa hợp lý, chưa đúng tinh thần quy định của Bộ luật.

“Nhân thân người phạm tội là tổng hợp những đặc điểm riêng biệt của người phạm tội có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của

19 Bản án số 34/2024/HS-PT ngày 27/02/2014 của TAND tỉnh Đồng Tháp.

20 Khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.

21 Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Trần Thị Quang Vinh (chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam, 2019, tr. 376.

22 Trần Văn Đột, Trần Ngọc Anh, *uldd*.

họ”.²³ Các đặc điểm nhân thân người phạm tội mà chúng ta cần xem xét khi cho hưởng án treo có thể là căn cứ vào đặc điểm vào nhân thân người phạm tội phản ánh khả năng cải tạo, giáo dục như trong Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, tuy nhiên đó cũng có thể là các đặc điểm nhân thân phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của họ. Vì vậy, tác giả hoàn toàn đồng ý với quan điểm “điều kiện căn cứ vào nhân thân là căn cứ vào nhân thân không phải bắt chấp hành hình phạt tù”.²⁴ Nhân thân không cần bắt chấp hành hình phạt tù cần được hiểu là nhân thân tốt nhưng cũng có thể là những đặc điểm nhân thân khác phản ánh hoàn cảnh đặc biệt và có ảnh hưởng đến việc giải quyết đúng đắn vấn đề TNHS của người bị kết án. Vì vậy, để việc áp dụng quy định về án treo được thống nhất, đảm bảo quyền lợi của người bị kết án cần có quy định lại điều kiện tại khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015 cũng như nhận thức đúng điều kiện “căn cứ nhân thân” tại khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015.

Ngoài ra, khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP quy định điều kiện về hình thức để được một người được hưởng án treo là phải có nơi cư trú rõ ràng hoặc nơi làm việc ổn định để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Đây là điều kiện bắt buộc để một người có thể xem xét cho hưởng án treo. Theo tác giả, quy định này là hoàn toàn hợp lý. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015 lại không quy định về điều kiện này. Vì vậy tác giả đề xuất ghi nhận thêm điều kiện này vào khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015 để tạo cơ sở pháp lý rõ ràng.²⁵

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP hướng dẫn một số trường hợp không cho hưởng án treo không hợp lý. Điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP đã gián tiếp quy định rằng đối với người đã bị kết án nhưng thuộc trường hợp được coi là không có án tích, người bị kết án nhưng đã được xóa án tích, người đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật mà tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật, nếu xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng hoặc người phạm tội là người phạm tội không phải là người giúp sức đóng vai trò không đáng kể thì sẽ không xem xét cho hưởng án treo.

Đây là hướng dẫn không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 69 BLHS năm 2015 là “người được xóa án tích coi như chưa bị kết án”. Vì vậy cần có sự sửa đổi quy định hướng dẫn về nhân thân người phạm tội để xét cho hưởng án treo như sau: “Đối với người đã bị kết án nhưng thuộc trường

23 Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Trần Thị Quang Vinh (chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam, 2019, tr. 150.

24 Trần Văn Độ, Trần Ngọc Anh, *tlđđ*.

25 Hình phạt cải tạo không giam giữ cũng quy định điều kiện này trong khoản 1 Điều 36 BLHS năm 2015.

hợp được coi là không có án tích, người bị kết án nhưng đã được xóa án tích, người đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật mà tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật thì vẫn xem xét cho hưởng án treo nếu thỏa mãn các điều kiện tại khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015”.

Trên cơ sở các phân tích, tác giả kiến nghị:

Khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015 nên sửa đổi lại rõ ràng hơn và thống nhất có 04 điều kiện để được hưởng án treo như sau: *“Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, xét nhân thân người phạm tội không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù và người phạm tội có nơi cư trú rõ ràng hoặc nơi làm việc ổn định thì tòa án cho hưởng án treo...”*

Ngoài ra, cần có hướng dẫn điều kiện *“xét nhân thân người phạm tội không cần bắt chấp hành hình phạt tù”* là “nếu người phạm tội có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”, bao gồm: trường hợp nhân thân tốt như quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP. Tuy nhiên, cần bổ sung thêm trường hợp thứ hai khi xét nhân thân không cần bắt chấp hành hình phạt tù là người phạm tội là người có những hoàn cảnh đặc biệt như là lao động chính trong gia đình... và đối với trường hợp hoàn cảnh đặc biệt này thì cần đi đôi với các tình tiết giảm nhẹ tại Điều 51 BLHS năm 2015 phản ánh được khả năng tự cải tạo, giáo dục của người phạm tội.²⁶

2.2. Quy định về án treo chưa có sự phân hóa đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Trong khi so sánh tổng thể với các biện pháp miễn, giảm TNHS được quy định trong BLHS hiện hành, đa phần đều có các quy định riêng cho người dưới 18 tuổi với chính sách nhân đạo, khoan hồng hơn như miễn TNHS,²⁷ giảm mức hình phạt tòa tuyên,²⁸ tha tù trước thời hạn có điều kiện²⁹ hay xóa án tích³⁰ nhưng quy định về án treo trong BLHS năm 2015 lại không có những quy định riêng, khoan hồng hơn cho người dưới 18 tuổi.

Vì vậy, nên có sự phân hóa trong việc xem xét chấp hành thời gian thử thách ngắn hơn để được xét giảm thời gian thử thách tại khoản 4 Điều 65 BLHS năm 2015 cho người dưới 18 tuổi phạm tội. Nếu người phạm tội là người dưới 18 tuổi được hưởng án treo chỉ cần chấp hành 1/3 thời gian thử

26 “Dựa vào căn cứ giảm nhẹ TNHS, có thể phân các tình tiết giảm nhẹ TNHS thành ba loại gồm: các tình tiết có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết phản ánh khả năng cải tạo của người phạm tội; các tình tiết phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng.” Xem: Trần Thị Quang Vinh, *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2005, tr. 62.

27 Điều 29 BLHS năm 2015, khoản 2 Điều 91 BLHS năm 2015.

28 Điều 63, Điều 105 BLHS năm 2015.

29 Điều 66, Điều 106 BLHS năm 2015. Xem thêm: Điều 64 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

30 Điều 70 BLHS năm 2015, 71 BLHS năm 2015 và Điều 107 BLHS năm 2015.

thách là có thể được xét giảm.³¹ Khoản 4 Điều 8 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP quy định: “Trường hợp người được hưởng án treo lập công hoặc bị bệnh hiểm nghèo và có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì Tòa án có thể rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại”, và nên bổ sung thêm trường hợp là người dưới 18 tuổi.³² Việc sửa đổi như vậy thể hiện chính sách nhất quán của Nhà nước trong việc quy định chính sách miễn, giảm TNHS nói chung và đối với người dưới 18 tuổi nói riêng.

Thêm vào đó, trên cơ sở các phân tích, tác giả cũng đề xuất:

Bổ sung vào khoản 4 Điều 65 BLHS năm 2015:

“b. Người được hưởng án treo là người dưới 18 tuổi đã chấp hành được một phần ba thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát, giáo dục, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

Bổ sung vào khoản 4 Điều 8 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP về điều kiện và mức rút ngắn thời gian thử thách của án treo: “Trường hợp người được hưởng án treo là người dưới 18 tuổi, người đã lập công hoặc bị bệnh hiểm nghèo và có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì Tòa án có thể rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại.”

2.3. Việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với người được hưởng án treo chưa có cách hiểu thống nhất

Khoản 3 Điều 65 BLHS năm 2015 quy định: “tòa án có thể quyết định áp dụng đối với người được hưởng án treo hình phạt bổ sung nếu trong điều luật áp dụng có quy định hình phạt này”. Tuy nhiên hiện nay việc hiểu các loại hình phạt bổ sung nào được áp dụng đối với người được hưởng án treo cũng có những quan điểm khác nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng không hạn chế loại hình phạt bổ sung cho người được hưởng án treo.³³ Quan điểm thứ hai lại khẳng định “người được hưởng án treo có thể phải chịu hình phạt bổ sung đi kèm là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định theo quy định tại Điều 35 và Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 2015”.³⁴ Trong hai quan điểm này, quan điểm thứ hai là không hợp lý vì khoản 3 Điều 65 BLHS hiện hành không giới hạn hai hình phạt bổ sung này như trong khoản 3 Điều 60 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điều này cũng được

31 Tác giả đề xuất tỷ lệ trên cơ sở tham khảo các quy định khác về miễn, giảm TNHS trong BLHS hiện hành đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

32 Kiến nghị này tác giả đề xuất dựa trên cơ sở so sánh với quy định rút ngắn thời gian thử thách trong biện pháp tha tù trước thời hạn có điều kiện theo khoản 3 Điều 64 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định khoan hồng hơn cho người dưới 18 tuổi phạm tội.

33 Trần Văn Độ, Trần Ngọc Anh, *uldd*; Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Trần Thị Quang Vinh (chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam, tr. 379.

34 Nguyễn Phi Hùng, “*Bàn về chế định án treo: Bất cập và kiến nghị hoàn thiện*”, <https://lsvn.vn/ban-ve-che-dinh-an-treo-bat-cap-va-kien-ghi-hoan-thien-1685034569.html>, truy cập ngày 26/02/2024.

gián tiếp thể hiện thông qua quy định về các hình phạt bổ sung như khoản 2 Điều 44 BLHS năm 2015 về hình phạt tước một số quyền công dân: “Thời hạn tước một số quyền công dân là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo”. Như vậy, hình phạt bổ sung là tước một số quyền công dân vẫn được áp dụng đối với người bị tuyên phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Dù vậy, có phải tất cả các hình phạt bổ sung đều có thể được áp dụng cho người được hưởng án treo mà không giới hạn như quan điểm thứ nhất hay không?

Ví dụ: người phạm tội thuộc trường hợp chuẩn bị phạm tội giết người tại khoản 3 Điều 123 BLHS năm 2015, Mức hình phạt tòa tuyên cho người phạm tội không quá 03 năm và thỏa mãn các điều kiện cho hưởng án treo. Khoản 4 Điều 123 có quy định hình phạt bổ sung là cấm cư trú, quản chế. Vậy có thể áp dụng một trong các hình phạt bổ sung này cho người được hưởng án treo được không? Theo tác giả, xét về điều kiện áp dụng cũng như tính nghiêm khắc của các hình phạt bổ sung này thì không thể áp dụng đối với người được hưởng án treo – là người xét thấy không cần phải chấp hành hình phạt tù vì họ có khả năng tự cải tạo, giáo dục cũng như không gây nguy hiểm cho xã hội khi được giám sát tại nơi cư trú hoặc làm việc. Bên cạnh đó ngay trong quy định về hai hình phạt này đã gián tiếp thể hiện rằng hai hình phạt bổ sung này chỉ được áp dụng cho người bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn: “Thời hạn cấm cư trú là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù” hay “Thời hạn quản chế là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù”.³⁵ Vì vậy, nên quy định rõ những hình phạt bổ sung nào có thể được áp dụng cho người được hưởng án treo thay vì quy định chung chung như khoản 3 Điều 65 BLHS năm 2015 hiện hành để việc áp dụng hình phạt bổ sung được thống nhất.

2.4. Về quy định vi phạm điều kiện thử thách của án treo tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015

Khoản 5 Điều 65 BLHS năm 2015 quy định: “... Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.” Điều khoản này là chưa đầy đủ vì nếu là người dưới 18 tuổi thì cần thực hiện theo Điều 104 BLHS năm 2015. Vì vậy cần bổ sung thêm nội dung này vào khoản 5 Điều 65 BLHS năm 2015, cụ thể: “... Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 hoặc Điều 104 của Bộ luật này”.

Về điều kiện “trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02

35 Xem Điều 42, Điều 43 BLHS năm 2015.

lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”, cần có hướng dẫn rõ ràng. Đối với điều kiện vi phạm luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên với lỗi cố ý thì hậu quả pháp lý về việc buộc người phạm tội chấp hành hình phạt tù của bản án treo lại là “có thể”, tức là quy định tùy nghi. Trong Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP không có hướng dẫn cụ thể trường hợp nào thì người phạm tội phải chấp hành hình phạt tù của bản án treo nếu cố ý vi phạm, trường hợp nào thì được tiếp tục chấp hành thời gian thử thách của án treo.³⁶ Điều này có thể dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất.

Để xem xét điều kiện này cần thiết xem xét các điều kiện về nghĩa vụ của người được hưởng án treo được quy định trong Luật Thi hành án hình sự năm 2019.³⁷ Qua xem xét quy định tại Điều 87 và Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019: theo quan điểm của tác giả, nếu cố ý vi phạm từ 02 lần trở lên thuộc 01 trong 03 trường hợp sau đây cần xem xét buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án treo bởi vì phản ánh khả năng tự cải tạo, giáo dục của người phạm tội không đạt được, không đạt được mục đích khi áp dụng quy định về án treo.

Vi phạm điều kiện tại khoản 1 Điều 87 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 là “có mặt theo giấy triệu tập và cam kết việc chấp hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này”:³⁸ có thể thấy nếu người phạm tội không có mặt tại địa điểm theo giấy triệu tập trừ lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nếu không có mặt thì không tính là vi phạm, hoặc có mặt tại địa điểm theo giấy triệu tập nhưng không chịu cam kết thì sẽ không thể thi hành án được.

Khoản 2 Điều 87 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 đưa ra điều kiện “Thực hiện nghiêm chỉnh cam kết trong việc tuân thủ pháp luật, nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, nơi làm việc, học tập; chấp hành đầy đủ hình phạt bổ sung, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp vì lý do khách quan được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận”.

Khoản 4 Điều 87 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 đưa ra điều kiện “Chấp hành quy định tại Điều 92 của Luật này”. Khoản 4 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019 đưa ra điều kiện “Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách”.

Như vậy, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng án treo trong Luật Thi hành án hình sự năm 2019 từ hai lần trở lên thuộc 03 trường hợp mà tác giả phân tích ở trên thì cần xem xét buộc người phạm tội chấp hành hình phạt tù của bản án treo. Còn các trường hợp còn lại

36 Xem thêm Khoản 6 Điều 93 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

37 Xem Điều 87, Điều 92, Điều 93 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

38 Xem Khoản 1 Điều 85 Luật Thi hành án hình sự năm 2019

không thuộc khoản 4 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 là các điều kiện về thủ tục, hình thức nên nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm thì thuộc trường hợp “có thể buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù”. Cần thiết có những hướng dẫn này trong Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán để việc áp dụng quy định về án treo được thống nhất.

Kết luận

Quy định về án treo là một trong những biện pháp giảm TNHS được quy định trong BLHS năm 2015, thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước trong việc xử lý TNHS đối với người phạm tội. Tuy nhiên để việc áp dụng pháp luật thống nhất, công bằng và đảm bảo quyền lợi cho người bị kết án thì cần tiếp tục nghiên cứu quy định, thực tiễn áp dụng quy định về án treo để góp phần hoàn thiện quy định pháp luật hình sự nói chung và quy định về các biện pháp miễn, giảm TNHS nói riêng. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Bản án số 585/2023/HS-ST Ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai [trans: Judgment No. 585/2023/HS-ST dated October 31, 2023 of the People’s Court of Bien Hoa city, Dong Nai province]
- [2] Bản án số 224/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh [trans: Judgment No. 224/2023/HS-ST dated September 29, 2023 of the People’s Court of Ha Long city, Quang Ninh province]
- [3] Bản án số 94/2023/HS-PT ngày 31/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An [trans: Judgment No. 94/2023/HS-PT dated July 31, 2023 of the People’s Court of Long An province]
- [4] Bản án số 34/2024/HS-PT ngày 27/02/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp [trans: Judgment No. 34/2024/HS-PT dated February 27, 2014 of the People’s Court of Dong Thap province]
- [5] Bản án số 02/2024/HS-ST Ngày 16/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương [trans: Judgment No. 02/2024/HS-ST dated January 16, 2024 of the People’s Court of Bau Bang district, Binh Duong province]
- [6] Trần Văn Độ, Trần Ngọc Anh, “Một số vấn đề về án treo và áp dụng án treo theo luật hình sự Việt Nam” [trans: Tran Van Do, Tran Ngoc Anh, “Some issues on suspended sentences and application of suspended sentences according to Vietnamese Criminal Law”]
- [7] Nguyễn Ngọc Hoà (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (phần chung)*, Nxb. Tư Pháp, 2017 [trans: Nguyen Ngoc Hoa (Editor), *Scientific Commentary on the 2015 Penal Code amended and supplemented in 2017 (General part)*, Justice Publishing House, 2017]
- [8] Nguyễn Phi Hùng, “Bàn về chế định án treo: Bất cập và kiến nghị hoàn thiện”, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam* [trans: Nguyen Phi Hung, “On the suspended sentence system: Inadequacies and recommendations for improvement”, *Electronic magazine Vietnam Lawyer*]
- [9] Trần Thị Quang Vinh, *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2005 [trans: Tran Thi Quang Vinh, *Mitigating circumstances in Vietnamese Criminal Law*, National Political Publishing House, 2005]
- [10] Trần Thị Quang Vinh (chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb. Hồng Đức – Hội Luật Gia Việt Nam, 2019 [trans: Tran Thi Quang Vinh (Editor), *Textbook on Vietnamese Criminal Law - General Part*, Hong Duc Publishing House - Vietnam Lawyers Association, 2019]